ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ EA BUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1184/QĐ-UBND	*Ea Bung, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt dự án: Sửa chữa đường giao thông thôn 3

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 36/2026/TT-BXD, ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD, ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 050/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 vủa UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Ea Bung về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa đường giao thông thôn 3;

Căn cứ Công văn số 1769/UBND-KT ngày 26/8/2026 của UBND xã Ea Bung về việc giao đại diện chủ đầu tư thực hiện các dự án cấp thiết từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách tỉnh năm 2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 37/BC-PT ngày 14/9/2026 về việc thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa đường giao thông thôn 3 của Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phát Thịnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã kèm theo Công văn số 94/KQTĐ-PKT, ngày 16/9/2026 về việc báo cáo kết quả thẩm định dự án: Sửa chữa đường giao thông thôn 3.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa đường giao thông thôn 3 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa đường giao thông thôn 3.

2. Loại, nhóm dự án:

- Dự án nhóm C.

- Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ.

- Cấp công trình: Cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Thôn 1 (Thôn 3 cũ), xã Ea Bung.

4. Người quyết định đầu tư: UBND xã Ea Bung.

5. Đại diện Chủ đầu tư: Phòng kinh tế xã Ea Bung.

6. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng : Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng HTC Đắk Lắk.

7. Mục tiêu dự án: Việc đầu tư xây dựng công trình nhằm các mục tiêu sau: Đáp ứng nhu cầu về giao thông trong khu vực, phục vụ tốt việc đi lại của nhân dân trong vùng. Từng bước thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, xoá đói, giảm nghèo mang lại đời sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu văn hoá trong vùng với khu trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị. Thúc đẩy nền kinh tế trong vùng, tạo tiền đề và làm cơ sở cho các dự án khác phát triển. Góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng cho khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng.

8.1. Quy mô xây dựng.

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Cấp thiết kế: Đường GTNT cấp B và C theo TCVN 10380:2014.
- Hình thức đầu tư: Sửa chữa, cải tạo.
- Chiều dài tuyến: L = 1.282,52m.
- Vận tốc thiết kế: Vtk = 15 km/h.
- Tải trọng thiết kế: 2,50 tấn/trục xe.
- Công trình thoát nước + Tải trọng thiết kế: 0,65HL93.
  + Tần suất thiết kế: P=4%.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hệ thống an toàn giao thông theo qui chuẩn Quốc gia QCVN 41:2024/BGTVT.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu.

- Hướng tuyến, bình đồ: Hướng tuyến cơ bản bám theo hướng tuyến hiện hữu, bảo đảm các yêu cầu thiết kế đường cấp IV – Đường GTNT Cấp B và C (Theo TCVN 10380:2014).

- Trắc dọc tuyến: Thiết kế phù hợp với yêu cầu của cấp đường, nâng cao độ bù vênh tại các vị trí hư hỏng nặng và rải thảm carbon Alpha dày 2cm tăng cường khả năng thoát nước.

- Trắc ngang tuyến được sửa chữa theo cấp đường hiện hữu với chi tiết tương đương Bm=3,5m (đường cấp B) và Bm=3,0m (đường cấp C)

- Trắc ngang Tuyến số 1 - đường cấp C đoạn Km0+00.00-:-Km0+703.15:

+ Bề rộng nền đường: Bn = 4,00 m.

+ Bề rộng mặt đường: Bm = 3,00 m.

+ Bề rộng lề đường: Blề = 0,50 m x 2 bên.

- Trắc ngang Tuyến số 2 - đường cấp B đoạn Km0+00-:-Km0+579.37.

+ Bề rộng nền đường: Bn = 5,00 m.

+ Bề rộng mặt đường: Bm = 3,50 m.

+ Bề rộng lề đường: Blề = 0,75 m x 2 bên.

- Độ dốc ngang mặt đường: im = 2%. (Trong các đoạn cong có bố trí siêu cao, thiết kế độ dốc ngang 1 mái theo độ dốc siêu cao).

- Độ dốc ngang lề đường thông thường: in = 4%.

* Nền đường:

- Mặt đường BTXM bị hư hỏng, lề đường đất cỏ phủ thấp, ổn định giữ lề đất

* Kết cấu mặt đường: Trên cơ sở hiện trạng mặt đường BTXM cũ, tiến hành duy tu, bảo dưỡng mặt đường bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn giao thông và tăng khả năng lưu thông trên tuyến, với phương án tận dụng mặt đường BTXM cũ rải lớp Carbon Alpha CA9,5 với 02 trường hợp như sau:

- Trường hợp 1 – Tuyến số 1: Mặt đường hư hỏng, rạn nứt chân chim, bong tróc nhẹ đối với phạm vi đường cấp C (Bm=3,00m):

+ Rải thảm mặt đường Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) bằng phương pháp cơ giới, chiều dày mặt đường đã lèn ép 2cm;

+ Vệ sinh, rửa mặt đường BTXM cũ bằng máy;

+ Mặt đường BTXM cũ giữ nguyên;

- Trường hợp 2 – Tuyến số 2: Mặt đường hư hỏng, rạn nứt chân chim, bong tróc nhẹ đối với phạm vi đường cấp B (Bm=3,50m), một số vị trí trên tuyến còn tốt được giữ nguyên:

+ Rải thảm mặt đường Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) bằng phương pháp cơ giới, chiều dày mặt đường đã lèn ép 2cm;

+ Vệ sinh, rửa mặt đường BTXM cũ bằng máy;

+ Mặt đường BTXM cũ giữ nguyên;

- Trường hợp 3: Mặt đường hư hỏng nặng, bong tróc thành ổ gà sâu Htb=1,50cm:

+ Rải thảm mặt đường Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) bằng phương pháp cơ giới, chiều dày mặt đường đã lèn ép 2cm;

+ Bù vênh mặt đường Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) bằng phương pháp cơ giới, chiều dày mặt đường đã lèn ép 1,50cm;

+ Vệ sinh, rửa mặt đường BTXM cũ bằng máy;

+ Mặt đường BTXM cũ giữ nguyên;

* Mặt đường BTXM cũ giữ nguyên;

- Trường hợp 4: Phạm vi mặt đường BTXM cũ bị gãy, hư hỏng gây ngập úng:

+ Mặt đường bê tông xi măng đá (1x2) M250#, dày 18cm.

+ Giấy dầu ngăn cách (tạo phẳng)

+ Bù phụ Móng đường cấp phối đá dăm loại 2(Dmax=37,5mm) dày 10cm; K≥0,98.

+ Cắt khe, phá dỡ bê tông cũ hư hỏng, vận chuyển phế thải đi đổ.

Cấu tạo lề đường:

- Cấu tạo lề đường: Bề rộng lề đường: Bl =(0,50-:-0,75)m x 2 bên; độ dốc ngang lề đường: il = 4%.

* Công trình thoát nước:

- Rãnh dọc: Thiết kế tiết diện hình thang, đào trần, đáy rãnh rộng 0,4m, sâu 0,4m (tính từ mép nền đường hoàn chỉnh). Mái dốc ta luy phía trong :1/1.5, phía ngoài :1/1.

- Cống thoát nước ngang, dọc tuyến: Tận dụng các công trình thoát nước cũ trên tuyến và bố trí 01 cống bản Lo=80cm tại vị trí trũng nước tuyến số 2 với cấu tạo cơ bản như sau:

*Tấm bản bê tông đúc sẵn đá 1x2 M200, có cốt thép.

* Móng cống, sân cống bê tông đá 2x4 M150.

* Chân khay, tường cánh, tường đầu bêtông đá 2x4 M150.

* Đá dăm đệm móng dày 10cm.

+ Tải trọng thiết kế: 0,65HL93.

+ Tần suất thiết kế: P = 4%.

* Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hệ thống an toàn giao thông theo qui chuẩn Quốc gia QCVN 41:2024/BGTVT.

(Nội dung chi tiết thiết kế và các kích thước, vật liệu sử dụng được thể hiện cụ thể trong bản vẽ và dự toán công trình).

9. Danh mục tiêu chuẩn được lựa chọn.

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31: 2020/TCĐBVN;

- Quy trình khảo sát địa chất công trình và thiết kế biện pháp ổn định nền đường 22 TCN 171_87;

- Quy trình tính toán đặc trưng dòng chảy lũ 22_TCN 220_95;

- Đương GTNT – Yêu cầu thiết kế TCVN 10380:2014;

- Quy trình tính toán đặc trưng dòng chảy lũ 22 TCN 220-95;

- Tổ chức thi công : TCVN 4055-2012.

- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436 : 2012;

- Công tác đất quy trình thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012;

- Tiêu chuẩn về cốt liệu cho bê tông và vữa TCVN 7570:2006;

- Thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông TCCS 40 : 2022/TCĐBVN;

- Kết cấu bê tông và bê tông toàn khối TCVN 4453-1995.

- Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2018.

- Giấy dầu xây dựng – Tổng cục đo lường chất lượng TC01-2010;

- TCCS 09:2014/CĐBVN Lớp vật liệu Carbon Alpha trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu TCVN 9377:2012;

- Các Quy trình quy phạm hiện hành khác.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 1.200.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm triệu đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.053.508.000	đ
- Chi phí quản lý dự án:	31.172.000	đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	108.520.000	đ
- Chi phí khác:	6.800.000	đ
- Chi phí dự phòng:	0	đ

(Chi tiết các khoản mục chi phí có phụ lục kèm theo).

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2026 theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND, ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư :

14.1. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Gồm các loại vật liệu xây dựng thông thường như: Cát, đá, xi măng, thép, giấy dầu, nhựa đường,.. (Chi tiết như bảng tổng hợp vật tư trong dự toán xây dựng công trình).

14.2. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không yêu cầu bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Điều 2. Phòng kinh tế xã là chủ đầu tư, chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi ở Điều 1 quyết định này và quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các đơn vị cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Duy Toại

PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

DỰ ÁN: SỬA CHỮA ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN 3

(Kèm theo Quyết định số: 1184/QĐ- UBND, ngày 24 / 9/2026 của UBND xã Ea Bung)

Đơn vị tính: (đ)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
I	**Chi phí xây dựng**	**Gcpxd**	**Gxd + Glt**	**975.470.168**	**78.037.613**	**1.053.508.000**
1	*Sửa chữa mặt đường và công trình thoát nước*	*Gxd*	*Bảng THKP*	*954.471.789*	*76.357.743*	*1.030.830.000*
2	*Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công*	*Glt*	*Bảng THKP*	*20.998.379*	*1.679.870*	*22.678.000*
II	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**	**3,024% x (Gxd)**	**28.863.227**	**2.309.058**	**31.172.000**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**Gtv**	**Gtv1 : Gtv5**	**100.482.161**	**8.038.574**	**108.520.000**
1	*Chi phí khảo sát*	*Gtv1*	*Đã phê duyệt*	*25.536.273*	*2.042.902*	*27.579.000*
2	*Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật*	*Gtv2*	*4,23% x (Gxd)*	*40.374.157*	*3.229.933*	*43.604.000*
3	*Chi phí thẩm tra Báo cáo KT-KT, phần thiết kế*	*Gtv3*	*Giá trị tối thiểu*	*2.000.000*	*160.000*	*2.160.000*
4	*Chi phí thẩm tra Báo cáo KT-KT, phần dự toán*	*Gtv4*	*Giá trị tối thiểu*	*2.000.000*	*160.000*	*2.160.000*
5	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*Gtv5*	*3,203% x (Gxd)*	*30.571.731*	*2.445.739*	*33.017.000*
IV	**Chi phí khác**	**Gk**	**Gk1 : Gk2**	**6.800.299**		**6.800.000**
1	*Phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật*	*Gk1*	*Giá trị tối thiểu*	*500.000*	*-*	*500.000*
	TỔNG CHI PHÍ TRƯỚC KIỂM TOÁN	**Gtổng**		**1.105.315.556**	**88.385.245**	**1.193.700.000**
2	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*Gk2*	*0,57% x Gtổng*	*6.300.299*	*-*	*6.300.000*
V	**Chi phí dự phòng**	**Gdp**	**Gdp**	**-**	**-**	**-**
	TỔNG CỘNG	**Gtmdt**		**1.111.615.854**	**88.385.245**	**1.200.000.000**

Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm đồng./.

PHỤ LỤC II

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

DỰ ÁN: SỬA CHỮA ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN 3

(Kèm theo Quyết định số 1184/QĐ- UBND, ngày 24 /9/2026 của UBND xã Ea Bung)

Đơn vị tính: (đ)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	Sửa chữa mặt đường và công trình thoát nước
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	VL + NC + M	832.204.329
1	*Chi phí Vật liệu*	A1	*784.041.522*
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	Bảng giá tổng hợp	784.041.522
2	*Chi phí Nhân công*	B1	*26.328.283*
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	Bảng giá tổng hợp	26.328.283
3	*Chi phí Máy thi công*	C1	*21.834.524*
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	Bảng giá tổng hợp	21.834.524
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP	(C + TT)	68.240.755
1	Chi phí chung	T x 6,2%	51.596.668
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%	16.644.087
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+GT) x 6%	54.026.705
	Chi phí xây dựng trước thuế	(T+GT+TL)	954.471.789
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Gxdtt x 8%	76.357.743
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdtt + GTGT	1.030.829.532
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	Gxdtt x 2,2% x (1+8%)	22.678.250
	TỔNG CỘNG		**1.053.507.782**
	LÀM TRÒN		**1.053.508.000**